UBND QUẬN TÂN BÌNH

TRƯỜNG THCS VÕ VĂN TẦN

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

Họ và tên giáo viên: *Nguyễn Thị Ngân*

Môn học: *Công nghệ*

NĂM HỌC 2020-2021

LỚP: 8A3 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Thái Ngọc Kỳ	Anh	x										
2	Phan Ngọc Quỳnh	Châu	x										
3	Võ Thị Mỹ	Dung	x										
4	Võ Ngọc	Duy											
5	Bùi Vũ Thảo	Duyên	x										
6	Nguyễn Minh	Đạt											
7	Võ Thái Châu	Giang	x										
8	Lương Hồ Trọng	Hùng											
9	Trương Thị Diệu	Huyền	x										
10	Đào Trọng Minh	Khoa											
11	Trần Thanh	Khoa											
12	Bùi Lê Tuấn	Kiệt											
13	Văn Thị Hoàng	Kim	x										
14	Đoàn Phương	Linh	x										
15	Mai Văn	Long											
16	Đoàn Công	Lộc											
17	Lê Đoàn Đức	Lộc											
18	Trần Hồ Xuân	Mai	x										
19	Hà Nhật	Nam											
20	Cao Phan Thanh	Ngân	x										
21	Đàm Phương	Nghi	x										
22	Nguyễn Hoàng Bích	Ngọc	x										
23	Lâm Hồ Minh	Ngọc	x										
24	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	x										
25	Nguyễn Cao	Nhân											
26	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	x										
27	Đặng Phan Yến	Nhi	x										
28	Huỳnh Đức	Phát											
29	Trần Thiên	Phú											
30	Trần Thành	Phúc											
31	Lưu Phạm Mỹ	Phượng	x										
32	Trương Hồ	Quang											
33	Nguyễn An	Quân											
34	Nguyễn Hữu	Quốc											
35	Nguyễn Thạch Ngọc	Quyên	x										
36	Ngô Thục	Quyên	x										
37	Đoàn Ngọc Thanh	Thùy	x										
38	Kiều Thị Thu	Thủy	x										
39	Huỳnh Hoàng Anh	Thư	x										
40	Phạm Anh	Thư	x										
41	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	x										
42	Võ Ngọc Thủy	Tiên	x										
43	Đặng Công	Toàn											
44	Trần Bảo	Trâm	x										
45	Nguyễn Minh	Trí											
46	Vũ Thị Phương	Uyên	x										
47	Võ Hoàng Khánh	Vy	x										
48	Nguyễn Trương Thúy	Vy	x										

LỚP: 8A4 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Phạm Nguyễn Hồng	Anh	x										
2	Trần Quỳnh	Anh	x										
3	Phạm Vũ	Anh											
4	Nguyễn Chí	Bảo											
5	Nguyễn Trọng	Cường											
6	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	x										
7	Nguyễn Doãn Thành	Đạt											
8	Võ Thanh Hoàng	Hải											
9	Võ Hoàng Bảo	Hân	x										
10	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	x										
11	Trần Ngọc Thanh	Hiền	x										
12	Huỳnh Minh	Hiếu											
13	Trần Ngọc Thanh	Hiếu	x										
14	Phạm Phú Bảo	Hưng											
15	Lý Thiên	Hương											
16	Giang Vũ	Khiêm											
17	Tăng Đăng	Khoa											
18	Dương Thị Ngọc	Khuê	x										
19	Nguyễn Bảo Hồng	Kiệt											
20	Nguyễn Ngọc Yến	Lan	x										
21	Đỗ Gia	Lĩnh											
22	Lê Hoàng	Minh											
23	Nguyễn Thanh	Nghiêm											
24	Lương Nguyễn Khánh	Ngọc	x										
25	Đặng Lê Uyên	Nhi	x										
26	Nguyễn Nữ Yến	Nhi	x										
27	Trần Ngọc Quỳnh	Như	x										
28	Lê Minh	Phúc											
29	Tô Huỳnh Tấn	Phúc											
30	Phan Minh	Quân											
31	Võ Văn Anh	Tài											
32	Võ Hoàng Thanh	Thảo	x										
33	Trần Đức	Thịnh											
34	Trần Long Phúc	Thịnh											
35	Huỳnh Phạm Anh	Thư	x										
36	Nguyễn Huỳnh Bảo	Thy	x										
37	Lê Như Trúc	Tiên	x										
38	Chu Thế	Tiến											
39	Trần Anh	Toàn											
40	Nguyễn Minh	Trí											
41	Phạm Thanh	Trúc	x										
42	Trần Quốc	Trung											
43	Võ Huỳnh	Tuấn											
44	Đặng Công	Vinh											
45	Lê Nguyễn Nhã	Vy	x										
46	Lê Nguyễn Phương	Vy	x										

LỚP: 8A6 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Phan Công	Anh											
2	Nguyễn Quốc	Bảo											
3	Nguyễn Văn Hòa	Bình											
4	Phan Hải	Dương	x										
5	Mai Văn	Định											
6	Nguyễn Phúc	Hậu											
7	Huỳnh Ngọc	Hoàng											
8	Lư Di	Huy											
9	Dương Hiển Đình	Huy											
10	Dương Hiển	Hưng											
11	Nguyễn Hồ Đăng	Khoa											
12	Lê Quang	Hưng											
13	Giang Tuấn	Lân											
14	Bùi Thị Yến	Linh	x										
15	Lê Hoàng	Long											
16	Nguyễn Thị Hà	Ly											
17	Nguyễn Khánh	Ly	x										
18	Trương Diễm	My	x										
19	Nguyễn Hồ Nhật	Nam											
20	Đoàn Trí	Nghĩa											
21	Nguyễn Quang Minh	Nguyên											
22	Đặng Trúc	Nguyên	x										
23	Lương Quỳnh	Như	x										
24	Lâm Vĩnh	Phát											
25	Phạm Văn	Phú											
26	Võ Hồ Minh	Phúc											
27	Phạm Thanh	Phúc											
28	Lê Mạnh	Quân											
29	Lại Ngọc Minh	Tâm	x										
30	Nguyễn Ngọc Xuân	Thanh	x										
31	Hồ Mạnh	Thắng											
32	Phạm Thị Minh	Thi	x										
33	Trần Quang	Thông											
34	Nguyễn Hữu	Toàn											
35	Ngô Thị Yên	Trang	x										
36	Hồ Lâm Thị Quỳnh	Trâm	x										
37	Nguyễn Như Thùy	Trâm	x										
38	Lương Hoàng Yến	Trâm	x										
39	Lê Ngọc Bảo	Trân	x										
40	Nguyễn Lê	Trân	x										
41	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn											
42	Mai Phương	Uyên	x										
43	Nguyễn Phương	Vi	x										
44	Lê Đặng Ánh	Vy	x										
45	Trần Phạm Tường	Vy	x										
46	Nguyễn Mai Như	Ý	x										
47	Lê Tự	Thắng											

LỚP: 8A8 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Võ Trần Chí	An											
2	Đặng Văn	An											
3	Hồ Thành Quốc	Bảo											
4	Đoàn Khánh	Đoan	x										
5	Nguyễn Thị Khánh	Đông	x										
6	Trần Hoàng	Đức											
7	Châu Hương	Giang	x										
8	Nguyễn Phan	Hải											
9	Trần Như	Hiền	x										
10	Đỗ Gia	Huy											
11	Nguyễn Đình Bảo	Khanh											
12	Lê Phan Kim	Khánh	x										
13	Hồ Trần Đăng	Khoa											
14	Đỗ Thiên	Khoa											
15	Hồ Hoàn	Long											
16	Nguyễn Minh	Long											
17	Nguyễn Thành	Luân											
18	Đặng Thanh	Mai	x										
19	Nguyễn Phạm Thanh	Ngân	x										
20	Nguyễn Thu	Ngân	x										
21	Kiều Anh	Nghĩa											
22	Trương Mỹ	Ngọc	x										
23	Giao Hữu	Nhân											
24	Nguyễn Ngọc Bảo	Nhi	x										
25	Phan Minh	Phúc											
26	Trương Thị Hạnh	Quyên	x										
27	Lâm Thúy	Quỳnh	x										
28	Võ Văn Nhật	Sang											
29	Phạm Phú	Thành											
30	Phạm Văn	Thành											
31	Ngô Huỳnh Ngọc	Thảo	x										
32	Nguyễn Thị Bích	Thi	x										
33	Nguyễn Tiến	Thịnh											
34	Ngô Nguyễn Minh	Thư	x										
35	Trầm Tuệ	Thư	x										
36	Lê Văn Trung	Tín											
37	Trần Hoàng Bảo	Trân	x										
38	Ngô Trần Bảo	Trân	x										
39	Nguyễn Minh	Triết											
40	Nguyễn Huỳnh Khánh	Trinh	x										
41	Đặng Lập	Trình											
42	Hồ Anh	Tuấn											
43	Nguyễn Hữu Anh	Tuấn											
44	Đỗ Ngọc Cát	Tường	x										
45	Phạm Trần Tú	Uyên	x										
46	Phạm Quốc	Việt											
47	Trần Phương	Vy	x										
48	Trương Thị Thanh	Xuân	x										

LỚP: 9A5 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Nguyễn Phú Thanh	An	x										
2	Nguyễn Đình Việt	Anh											
3	Nguyễn Thị Ngọc	Ân	x										
4	Phạm Phú Gia	Bảo											
5	Hồ Phi	Dũng											
6	Lại Thành	Đạt											
7	Trần Nhật	Hạ	x										
8	Hồ Ngọc	Hân	x										
9	Đoàn Trung	Hậu											
10	Phạm Kim	Hùng											
11	Nguyễn Thế	Hưng											
12	Lê Quốc	Khánh											
13	Nguyễn Anh	Khoa											
14	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	x										
15	Hoàng Khánh	Linh	x										
16	Nguyễn Minh	Long											
17	Nguyễn Bá Nhật	Minh											
18	Dương Ngọc Kim	Ngân	x										
19	Tô Nguyễn Khắc	Nghi											
20	Phan Thụy Mỹ	Ngọc	x										
21	Đỗ Quang	Ngọc											
22	Phạm Thanh	Nhật											
23	Trần Ngọc Phương	Nhi	x										
24	Thạch Quyền	Như	x										
25	Võ Thiện	Phát											
26	Nguyễn Tăng Hoàng	Phúc											
27	Nguyễn Hoàng Mai	Phương	x										
28	Võ Anh	Quốc											
29	Trần Hiếu	Sang											
30	Trần Nguyễn Minh	Sơn											
31	Hà Vũ Ngọc	Tâm	x										
32	Bùi Thị Diệu	Thảo	x										
33	Cao Quang	Thiện											
34	Phạm Thị Minh	Thùy	x										
35	Phạm Thị Hoài	Thương	x										
36	Nguyễn Mạnh	Tiến											
37	Lê Thị Thùy	Trang	x										
38	Phạm Thái Bảo	Trâm	x										
39	Lê Nguyễn Anh	Trúc	x										
40	Nguyễn Ngọc	Tú											
41	Phan Thị Kim	Tuyền	x										
42	Nguyễn Ngọc Nhã	Uyên	x										
43	Hồ Lương Hoàng	Vũ											
44	Nguyễn Phan Thảo	Vy	x										
45	Đồng Thị Mỹ	Yên	x										

LỚP: 9A6 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Nguyễn Trần Hồng	An	x										
2	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	x										
3	Nguyễn Hoàng	Ân											
4	Lê Thị Thu	Cúc	x										
5	Nguyễn Huỳnh Quang	Dũng											
6	Lê Công Tuấn	Đạt											
7	Hồ Tấn	Hải											
8	Huỳnh Thị Bảo	Hân	x										
9	Huỳnh Thị Minh	Hiền	x										
10	Hà Vĩnh Gia	Huy											
11	Tăng Nguyễn Khánh	Hưng											
12	Lê Bảo	Khang											
13	Lê Quốc Nam	Khánh											
14	Nguyễn Đăng	Khoa											
15	Lê Nguyễn Trúc	Linh	x										
16	Nguyễn Ngọc Bảo	Long											
17	Nguyễn Bảo	Minh											
18	Phạm Huỳnh Kim	Ngân	x										
19	Võ Mẫn	Nghi	x										
20	Lê Thanh	Ngọc	x										
21	Ngô Phúc	Nguyên											
22	Võ Minh	Nhật											
23	Trần Ngọc Thảo	Nhi	x										
24	Trần Ngọc Quỳnh	Như	x										
25	Lê Phạm Gia	Phong											
26	Trịnh Hồng	Phúc	x										
27	Võ Trần Nam	Phương	x										
28	Đoàn Công	Quy											
29	Tô Nguyễn Phương	Quỳnh	x										
30	Trần Thanh	Sang											
31	Nguyễn Thành	Tài											
32	Phạm Minh	Tâm	x										
33	Nguyễn Thái Phương	Thảo	x										
34	Huỳnh	Thiện											
35	Phan Nguyễn Thanh	Thúy	x										
36	Võ Anh	Thy	x										
37	Nguyễn Văn Quan	Tiến											
38	Nguyễn Bích	Trân	x										
39	Đặng Minh	Trung											
40	Phạm Trà Ngọc	Tú	x										
41	Bùi Hồ Cát	Tường	x										
42	Nguyễn Thị Phương	Uyên	x										
43	Lê Văn	Vương											
44	Trần Lê Tường	Vy	x										

LỚP: 9A7 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Phan Ngô Hòa	An											
2	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	x										
3	Bùi Thọ Gia	Bảo											
4	Nguyễn Văn Cao	Cường											
5	Võ Minh	Duy											
6	Nguyễn Chi Quốc	Đạt											
7	Vương Thị	Hảo	x										
8	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	x										
9	Đặng Gia	Hiếu											
10	Nguyễn Gia	Huy											
11	Phạm Xuân	Hương	x										
12	Nguyễn Hoàng Minh	Khang											
13	Lương Viết Quốc	Khánh											
14	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa											
15	Nguyễn Thị Thanh	Linh	x										
16	Phan Ngọc Trúc	Ly	x										
17	Hoàng Nguyễn Trà	My	x										
18	Vũ Nguyễn Phương	Nghi	x										
19	Ngô Trần Xuân	Nghi	x										
20	Lê Thị Bảo	Ngọc	x										
21	Nguyễn Khắc Kim	Nguyên											
22	Lê Uyên	Nhi	x										
23	Nguyễn Phạm Khắc	Nhu	x										
24	Nguyễn Bùi Ngọc	Oanh	x										
25	Hồ Đức	Phú											
26	Nguyễn Thị Kim	Phụng	x										
27	Nguyễn Minh	Quang											
28	Nguyễn Mai Ngân	Quỳnh	x										
29	Văn Ngọc	Sang	x										
30	Nguyễn Trương Thành	Tài											
31	Phan Nguyễn Minh	Tâm	x										
32	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	x										
33	Lê Hoàng	Thịnh											
34	Lê Anh	Thư	x										
35	Huỳnh Hữu	Toàn											
36	Võ Ngọc	Trai											
37	Nguyễn Ngọc Phương	Trang	x										
38	Nguyễn Trần Phương	Trang	x										
39	Đinh Minh	Trí											
40	Hà Minh	Trung											
41	Nguyễn Lê Anh	Tuấn											
42	Trầm Cát	Tường	x										
43	Trần Phạm Phương	Uyên	x										
44	Vũ Ngọc Khánh	Vy	x										
45	Nguyễn Kiều Mai	Vy	x										
46	Đoàn Lê Thanh	Vy	x										

LỚP: 9A8 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Trần Huỳnh Trâm	Anh	x										
2	Hồ Tuấn	Anh											
3	Lâm Trần Vũ	Bảo											
4	Nguyễn Minh	Châu	x										
5	Đoàn Thị Thanh	Duyên	x										
6	Vương Đình	Đạt											
7	Ngô Thị Thanh	Hằng	x										
8	Phạm Bảo	Hân	x										
9	Lê Gia	Hòa											
10	Phạm Vũ Minh	Huy											
11	Nguyễn Minh	Khang											
12	Nguyễn Lê Anh	Khoa											
13	Bùi Nguyễn Anh	Khoa											
14	Đinh Phú	Kiệt											
15	Phan Nguyên Khánh	Linh	x										
16	Trần Phương	Mai	x										
17	Trương Nhã	My	x										
18	Nguyễn Thị Quỳnh	Nghi	x										
19	Nguyễn Hữu	Nghĩa											
20	Nguyễn Khánh Như	Ngọc	x										
21	Trần Nguyễn Bảo	Nguyệt	x										
22	Ngu Nguyễn Yến	Nhi	x										
23	Huỳnh Xuân	Phát											
24	Nguyễn Bá Công	Phúc											
25	Võ Văn	Phước											
26	Đoàn Mạnh	Quân											
27	Trần Duy	Sáng											
28	Phạm Văn	Tài											
29	Lưu Nhựt	Tân											
30	Phạm Thanh	Thanh	x										
31	Phạm Ngọc Phương	Thảo	x										
32	Nguyễn Xuân Hoàn	Thiện											
33	Trần Quốc	Thịnh											
34	Nguyễn Minh	Thư	x										
35	Ngô Phi Nguyên	Toàn											
36	Đỗ Thu	Trang	x										
37	Đỗ Quỳnh	Trâm	x										
38	Đỗ Thành Minh	Triết											
39	Lê Minh	Trung											
40	Trần Văn Minh	Tuấn											
41	Phan Thị Tường	Vi	x										
42	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	x										
43	Ngô Lê Phước	Vỹ											

LỚP: 9A9 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Võ Minh	Anh	x										
2	Huỳnh Ngọc Trâm	Anh	x										
3	Nguyễn Lê Gia	Bảo											
4	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	x										
5	Vũ Lê Bảo	Duyên	x										
6	Bùi Minh	Đức											
7	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	x										
8	Trần Gia	Hân	x										
9	Tô Lê	Hoàng											
10	Trần Gia	Huy											
11	Phạm Tiến	Khang											
12	Tạ Bá	Khoa											
13	Hồ Nguyễn Đăng	Khoa											
14	Nguyễn Hoàng Anh	Kiệt											
15	Tô Ngọc	Linh	x										
16	Đoàn Nguyễn Hoàng	Minh											
17	Trần Văn	Mỹ											
18	Phạm Đoàn Minh	Nghi	x										
19	Nguyễn Thanh	Ngọc	x										
20	Chu Yến	Ngọc	x										
21	Trần Thị Thanh	Nhàn	x										
22	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	x										
23	Ngô Thị Quỳnh	Như	x										
24	Hoàng Trần Quỳnh	Như	x										
25	Nguyễn Huỳnh Thiên	Phát											
26	Nguyễn Minh	Phúc											
27	Hồ Nguyễn Minh	Phương	x										
28	Nguyễn Đoàn Minh	Quân											
29	Võ Mai	Quỳnh	x										
30	Hồ Thái	Sơn											
31	Bùi Nguyễn Thảo	Tâm	x										
32	Nguyễn Võ Duy	Tân											
33	Đoàn Đức	Thành											
34	Trần Phương	Thảo	x										
35	Trương Hoàng	Thịnh											
36	Nguyễn Quỳnh Anh	Thư	x										
37	Nguyễn Ngọc Khánh	Toàn											
38	Hoàng Quỳnh	Trang	x										
39	Hoàng Ngọc Bảo	Trâm	x										
40	Phạm Minh	Triết											
41	Nguyễn Đức	Trung											
42	Nguyễn Lương	Tùng											
43	Phạm Quốc	Việt											
44	Nguyễn Cao	Vỹ											